

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: BẢO VỆ THỰC VẬT

MÃ NGÀNH: 6620116

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG (hệ tốt nghiệp THPT)

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 299/QĐ-KTKT, ngày 15 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ*

NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Bảo vệ thực vật

Mã ngành: 6620116

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 3,0 năm

1. GIỚI THIỆU NGÀNH ĐÀO TẠO

Bảo vệ thực vật là một trong những ngành học quan trọng trong lĩnh vực nông nghiệp, chuyên đào tạo các kiến thức có liên quan đến tài nguyên thực vật. Ngành Bảo vệ thực vật đào tạo các kiến thức về cây trồng, môi trường đất, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trồng, đặc biệt đi sâu vào các kiến thức về các đối tượng dịch hại trên cây trồng như côn trùng, bệnh hại, động vật hại nông nghiệp, cỏ dại..., và các biện pháp quản lý chúng một cách hiệu quả.

Chương trình đào tạo ngành Bảo vệ thực vật cung cấp cho sinh viên đầy đủ kiến thức cơ bản và chuyên môn về khoa học và kỹ thuật cây trồng, đặc biệt là kiến thức phòng trừ các loài dịch hại để bảo vệ cây trồng và chất lượng nông sản từ giai đoạn ngoài đồng đến khi sau thu hoạch.

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Cao đẳng chuyên ngành Bảo vệ thực vật được xây dựng để đào tạo cán bộ kỹ thuật có trình độ cao đẳng có kiến thức và kỹ năng về Bảo vệ thực vật, có thái độ lao động nghiêm túc, có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe tốt, nắm vững các kiến thức và có kỹ năng thực hiện tốt các nhiệm vụ đã được đào tạo; có khả năng làm việc tại các thành phần kinh tế, các tổ chức sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

Sinh viên hiểu và giải thích được đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực quản lý nông nghiệp, hoạt động sản xuất về vật tư nông nghiệp của các thành phần kinh tế

Sinh viên có hệ thống kiến thức cơ bản về giống cây trồng, dinh dưỡng cây trồng, phương pháp chăm sóc các cây trồng chủ lực của vùng.

Nhận diện được các loài dịch hại gây hại cho cây trồng và sự hiện diện của quần thể thiên địch trong điều kiện thực tế từ đó đề xuất các biện pháp quản lý thích hợp nhằm ngăn chặn sự xâm nhập, lây lan của các tác nhân gây hại.

Nắm vững các kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề nghiệp để tổ chức sản xuất trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ những cây trồng chủ lực; phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất từ đó mang lại lợi nhuận cao nhất có thể trên một đơn vị diện tích canh tác ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2.2.2. Kỹ năng

Có kỹ năng lập kế hoạch sản xuất cho đối tượng cây trồng cụ thể.

Có kỹ năng chẩn đoán, nhận diện được các tác nhân gây hại cho cây trồng thông qua các triệu chứng điển hình, từ đó xây dựng kế hoạch quản lý dịch hại một cách hiệu quả nhất, vừa đảm bảo năng suất và góp phần bảo vệ môi trường, hướng đến một nền sản xuất nông nghiệp xanh và bền vững.

Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, biết cách nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ cây trồng;

Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học để hướng dẫn cho nông dân biết cách canh tác hiệu quả trên cánh đồng, góp phần nâng cao nhu nhập, từ đó cải thiện đời sống, bộ mặt nông thôn Việt Nam.

Có khả năng học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ và mở rộng kiến thức nhằm thích nghi với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Xây dựng cho sinh viên đạo đức trong công việc, có ý thức trách nhiệm, nghiêm túc và nhiệt tình với nghề nghiệp. Rèn luyện tính cẩn thận, chăm chỉ và lòng yêu ngành, yêu nghề.

Tạo cho sinh viên sự tự tin trong công việc chuyên môn.

3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên tốt nghiệp ngành Bảo vệ thực vật có khả năng làm việc tại các cơ sở sau:

- Các nông trường, trạm trại nông nghiệp.
- Phòng nông nghiệp quận, huyện
- Các Trung tâm, chi cục, trạm Bảo vệ thực vật.
- Các cơ sở kinh doanh các sản phẩm liên quan đến sản xuất nông nghiệp.

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN HỌC TẬP

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 80 *tín chỉ* (không kể học phần Công tác xã hội).

- Số lượng môn học: 32 môn học.

- Khối lượng học tập các môn học chung: 435/19 (*giờ/tín chỉ*)

- Khối lượng học tập các môn học chuyên môn: 1.470/61 (*giờ/tín chỉ*)

- Khối lượng lý thuyết: 561 (giờ); thực hành, thực tập: 909 (giờ).

5. TỔNG HỢP CÁC NĂNG LỰC CỦA NGÀNH, NGHỀ

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I Năng lực cơ bản (năng lực chung)		
1	NLCB-01	Năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản (Bậc 2 theo KNLNNVN, tương đương CEFR A2)
2	NLCB-02	Năng lực sử dụng công nghệ thông tin đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
3	NLCB-03	Năng lực hiểu biết về chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách nhà nước.
4	NLCB-04	Năng lực hiểu biết về Nhà nước và pháp luật. Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn.
5	NLCB-05	Năng lực hiểu biết về hệ thống chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh của nhà nước Việt Nam, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
6	NLCB-06	Đảm bảo khả năng đáp ứng về thể chất, sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.
II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
7	NLCL-01	Nắm được tình hình sản xuất, canh tác cây trồng ở địa phương. Nắm được quy định của pháp luật về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.
8	NLCL-02	Xây dựng kế hoạch và triển khai quy trình canh tác cây trồng cụ thể tại địa phương, địa bàn được phân công phụ trách
9	NLCL-03	Nhận diện chính xác tác nhân tấn công, gây hại cho cây

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
		trồng, phân tích mối tương quan giữa cây trồng-dịch hại-thiên địch và các yếu tố môi trường tác động đến mật số dịch hại ở từng thời điểm cụ thể.
III	Năng lực nâng cao	
10	NLNC-01	Đảm bảo các kiến thức, kỹ năng mềm và nghề nghiệp giúp phát triển bản thân, tham gia hội nhập, khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp
11	NLNC-02	Tổ chức điều tra, thu thập số liệu, phân tích, đánh giá tình hình gây hại của dịch hại trên cây trồng, trên cơ sở đó đề xuất, xây dựng các giải pháp phòng trừ dịch hại một cách hiệu quả, an toàn.
12	NLNC-03	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án kỹ thuật về công tác bảo vệ cây trồng. Tổ chức thực hiện quy trình quản lý tổng hợp đối với các loài dịch hại cụ thể trên cây trồng.
13	NLNC-04	Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông về bảo vệ thực vật, hướng dẫn ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.
14	NLNC-05	Phân tích hiệu quả kinh tế, tính toán chi phí sản xuất, để góp phần canh tác hiệu quả về kinh tế, đồng thời đảm bảo vấn đề an toàn cho người tiêu dùng, người sản xuất và môi trường.
IV	Năng lực hỗ trợ	
15	NLBT-01	Có kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đàm phán; kỹ năng định hướng và phát triển nghề nghiệp; kỹ năng làm việc trong môi trường áp lực;
16	NLBT-02	Có kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng quản lý điều hành; kỹ năng xây dựng đội ngũ vững mạnh;
17	NLBT-03	Có kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột; kỹ năng nghiên cứu khoa học, công nghệ.

6. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/Thực tập /thí nghiệm/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
CMC211	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
CMC113	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
CMC114	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
II	Các môn học chuyên môn	61	1.470	504	909	57
II.1	Môn học cơ sở	10	180	112	57	11
CBV201	Sinh lý thực vật	2	30	28	0	2
CBV103	Hóa sinh thực vật	2	30	28	0	2
CBV102	Giống cây trồng	2	30	28	0	2
CBV101	Dinh dưỡng cây trồng	2	30	28	0	2
CBV202	Thực hành cơ sở	2	60	0	57	3
II.2	Môn học chuyên môn	47	1.230	336	852	42
CBV308	Côn trùng đại cương	2	30	28	0	2

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/Thực tập /thí nghiệm/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
CBV309	Bệnh cây đại cương	2	30	28	0	2
CBV203	Hóa bảo vệ thực vật	3	60	28	29	3
CBV204	Cây lương thực	2	30	28	0	2
CBV310	Cây ăn quả	2	30	28	0	2
CBV311	Cây công nghiệp	2	30	28	0	2
CBV305	Cây rau	2	30	28	0	2
CBV411	Côn trùng chuyên khoa	3	60	28	29	3
CBV410	Bệnh cây chuyên khoa	3	60	28	29	3
CBV403	Hệ thống canh tác	2	30	28	0	2
CBV312	Thực hành chuyên ngành 1	2	60	0	58	2
CBV409	Thực hành chuyên ngành 2	2	60	0	58	2
CBV405	Sinh lý sau thu hoạch	2	30	28	0	2
CBV505	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Bảo vệ thực vật	2	30	28	0	2
CBV504	Thực hành nghề nghiệp 1	2	60	0	58	2
CBV506	Thực hành nghề nghiệp 2	2	60	0	58	2
CBV507	Thực tập doanh nghiệp 1	4	180	0	176	4
CBV601	Thực tập doanh nghiệp 2	3	135	0	132	3
CKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225		225	

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/Thực tập /thí nghiệm/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
II.3	Môn học tự chọn	4	60	56	0	4
CBV501	Động vật hại nông nghiệp	2	30	28	0	2
CBV404	Khuyến nông trong Bảo vệ thực vật	2	30	28	0	2
CBV408	Xử lý ra hoa	2	30	28	0	2
CBV502	Sinh thái môi trường	2	30	28	0	2
III	Công tác xã hội	1	60	0	60	0
Tổng cộng:		80	1.905	661	1.164	80

7. Kế hoạch giảng dạy:

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/ kiểm tra
		Môn học bắt buộc	13	255	110	132	13
1	CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
2	CMC113	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
3	CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
4	CMC114	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
		Công tác xã hội	1	60	0	60	0
Tổng cộng:			13	255	110	132	13

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	14	330	131	180	19
1	CMC211	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
2	CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
3	CBV101	Dinh dưỡng cây trồng	2	30	28	0	2
4	CBV102	Giống cây trồng	2	30	28	0	2
5	CBV201	Sinh lý thực vật	2	30	28	0	2
6	CBV202	Thực hành cơ sở	2	60	0	57	3
Tổng cộng:			14	330	131	180	19

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	13	210	168	29	13
1	CBV103	Hóa sinh thực vật	2	30	28	0	2
2	CBV308	Côn trùng đại cương	2	30	28	0	2
3	CBV309	Bệnh cây đại cương	2	30	28	0	2
4	CBV203	Hóa bảo vệ thực vật	3	60	28	29	3
5	CBV204	Cây lương thực	2	30	28	0	2
6	CBV305	Cây rau	2	30	28	0	2

		Môn học tự chọn	2	30	28	0	2
1	CBV501	Động vật hại nông nghiệp	2	30	28	0	2
2	CBV502	Sinh thái môi trường	2	30	28	0	2
Tổng cộng:			15	240	196	29	15

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	14	300	112	174	14
1	CBV310	Cây ăn quả	2	30	28	0	2
2	CBV311	Cây công nghiệp	2	30	28	0	2
3	CBV312	Thực hành chuyên ngành 1	2	60	0	58	2
4	CBV409	Thực hành chuyên ngành 2	2	60	0	58	2
5	CBV410	Bệnh cây chuyên khoa	3	60	28	29	3
6	CBV411	Côn trùng chuyên khoa	3	60	28	29	3
Tổng cộng			14	300	112	174	14

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	12	360	56	292	12
1	CBV504	Thực hành nghề nghiệp 1	2	60	0	58	2
2	CBV505	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	28	0	2

		trong Bảo vệ thực vật					
3	CBV506	Thực hành nghề nghiệp 2	2	60	0	58	2
4	CBV403	Hệ thống canh tác	2	30	28	0	2
5	CBV507	Thực tập doanh nghiệp 1	4	180	0	176	4
		Môn học tự chọn	2	30	28	0	2
1	CBV404	Khuyến nông trong Bảo vệ thực vật	2	30	28	0	2
2	CBV408	Xử lý ra hoa	2	30	28	0	2
Tổng cộng			14	390	84	292	14

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	5	165	28	132	5
1	CBV405	Sinh lý sau thu hoạch	2	30	28	0	2
2	CBV601	Thực tập doanh nghiệp 2	3	135	0	132	3
		Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
1	CKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
Tổng cộng			10	390	28	357	5

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Đối với chương trình các môn học chung được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng giảng dạy, cụ thể:

1. Môn Giáo dục quốc phòng - An ninh: Thực hiện theo Thông tư 10/2018/TT-BLDTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng

và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng

2. Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; Công văn số 2468/TCGDNN-ĐTCQ ngày 23/11/2023 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác, sử dụng mô đun đào tạo “Năng lực số”;

3. Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

4. Môn Pháp Luật: Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

5. Môn Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

6. Môn Anh Văn: Thực hiện theo Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Anh Văn thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành BẢO VỆ THỰC VẬT trình độ Cao đẳng được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ. Chương trình có tổng số tín chỉ: 80 tín chỉ với các môn học và khối lượng được xây dựng như trên là những quy định bắt buộc bao gồm các nội dung sau:

+ Các môn học chuyên môn: bao gồm kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn và kiến thức tự chọn.

+ Các kiến thức, kỹ năng bổ trợ, như: kỹ năng đàm phán, kỹ năng tìm việc, quản lý tài chính,... (theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp).

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành:

+ Được thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ để đo khối lượng học tập của người học, thời gian của các hoạt động trong khóa học được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ để xác định khối lượng học tập, mỗi năm học được chia làm 02 học kỳ (5 tháng/1 học kỳ).

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

+ Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

+ Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 30% - 50%; Thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 50% - 70%.

- Thực hiện nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

+ Các hoạt động xã hội, kỹ năng mềm được thực hiện thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTĐ ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 338/QĐ-KTKT, ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng Trường về việc ban hành Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên; đồng thời được lồng ghép với thực hiện Chương trình môn học Công tác xã hội thực hiện theo Quyết định số 476/QĐ-KTKT ngày 01/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ về việc ban hành Chương trình môn học Công tác xã hội áp dụng cho HSSV các lớp cao đẳng, trung cấp hệ chính quy.

+ Các hoạt động dã ngoại, trải nghiệm,... tùy theo từng ngành đưa thêm nội dung cụ thể cho phù hợp tình hình thực tế tại thời điểm theo tiến độ đào tạo): Tổ chức giao lưu, sinh hoạt, tọa đàm trao đổi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, hoạt động câu lạc bộ chuyên ngành, tham quan trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp để tìm hiểu, định hướng về nghề nghiệp, tư vấn tuyển dụng làm việc,... được thực hiện vào đầu khóa học, giữa khóa và cuối khóa trước khi sinh viên tốt nghiệp; Tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh trong và ngoài tỉnh thực hiện vào đan xen trong khóa học; Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, cắm trại, hoạt động tình nguyện, hoạt động giao lưu với các đơn vị,... do Nhà trường, Đoàn trường, Hội sinh viên tổ chức.

- Thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học: Việc tổ chức thi kết thúc môn học thực hiện theo Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành của Trường.

- Thực hiện xét công nhận tốt nghiệp: Người học phải học xong chương trình và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong Chương trình đào tạo sẽ được Hội đồng xét tốt nghiệp xét đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ Cao đẳng với ngành/ngành được đào tạo, cụ thể:

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học được đánh giá theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.

+ Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Về điều kiện Tin học, Ngoại ngữ: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cụ thể như sau:

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông Tin và Truyền Thông, đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trở lên.

- Trường cấp bằng tốt nghiệp cho người học:

+ Trình độ: Cao đẳng

+ Danh hiệu: Kỹ sư thực hành.

9. Các chú ý khác

Chương trình này có giá trị sử dụng sau khi được thẩm định và có quyết định ban hành triển khai thực hiện kể từ ngày ký.

Cần Thơ, ngày 08 tháng 08 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Long